

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Khoa học vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đinh Văn Châu

2. Ngày tháng năm sinh: 03/03/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Dương Hồng Thủy (trước là xã Thái Dương), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 7, tổ 22, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Đinh Văn Châu, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương, Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0914262666;

E-mail: vanchaudinh@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1998 đến năm 2009: Nghiên cứu viên tại Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên tại Ban Quản lý Dự án thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam

Từ năm 2010 đến năm 2016: Giảng viên, Phó Giám đốc Trung tâm TSK, Phó Chủ nhiệm khoa Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano tại Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ năm 2016 đến năm 2017: Chuyên viên tại Vụ Phát triển nguồn nhân lực, Bộ Công Thương

Từ năm 2017 đến năm 2018: Chuyên viên tại Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Công Thương

Chức vụ: Hiện nay: Chuyên viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Chủ nhiệm khoa Khoa Vật lý kỹ thuật và Công

nghe nano, Phó Giám đốc Trung tâm TSK, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN

Cơ quan công tác hiện nay: Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Bộ Công Thương

Địa chỉ cơ quan: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02422202356

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): (i) Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội; (ii)

Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, Bộ Công Thương

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): (i)

Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội; (ii) Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, Bộ Công Thương

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 06 năm 1998, ngành: Công nghệ Thực phẩm, chuyên ngành: Công nghệ Thực phẩm

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 08 năm 2005, ngành: Kỹ thuật Hóa học, chuyên ngành: Khoa học Vật liệu

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): De La Salle University, The Philippines

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 03 năm 2009, ngành: Kỹ thuật Hóa học, chuyên ngành: Khoa học Vật liệu

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Tokyo Institute of Technology, Japan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Vật liệu polymer dẫn trong chế tạo pin mặt trời, diode phát quang;

- Vật liệu nanocomposites trong lĩnh vực bảo vệ vật liệu, vật liệu quang điện;

- Mô phỏng và mô hình hóa các quá trình phá hủy vật liệu bởi tác động của môi trường làm việc.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Bộ; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 21 bài báo KH, trong đó 16 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen về việc có thành tích xuất sắc trong xây dựng Pháp điển quy phạm pháp luật Đề mục Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030	Bộ trưởng Bộ Công Thương	2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Đạt tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại Điều 70, luật Giáo dục 2005 (#38/2005/QH11): có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt, có trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và chuẩn nghề nghiệp, đủ sức khỏe và có lý lịch rõ ràng;

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại Điều 71, luật Giáo dục: Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục; Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học; Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

--

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012-2013	1		1	1	160.9	26	186.9/294.57/224
2	2015-2016	2				249.3	52.5	301.8/379.14/216
3	2016-2017					93.5	45	138.5/138.5/135
3 năm học cuối								
4	2017-2018					115.25	42	156,25/156,25/135
5	2018-2019					140		150/150/135
6	2019-2020			1		156		156,0/206/135

() - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bậc 6

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Tuyết Lan		X	X		12/2011 đến 12/2012	Đại học Quốc gia Hà Nội	07/3/2013/ Quyết định
2	Trịnh Tuấn Anh		X	X		01/2013 đến 12/2013	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	02/4/2014 Quyết định
3	Trần Quang Huy		X	X		11/2012 đến 12/2013	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	08/01/2014 Quyết định

4	Trần Thanh Hà		X	X		01/2019 đến 08/2019	Trường Đại học Công nghiệp Việt Tri, Bộ Công Thương	15/12/2019 Quyết định
---	---------------	--	---	---	--	---------------------------	---	--------------------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Mô hình kiểm soát ô nhiễm không khí	CK	Nhà xuất bản Xây dựng, năm 2017	2	VC	(Phần 2. Mô hình ô nhiễm không khí trong quản lý khu đô thị, (148 - 225))	Số 558/QĐ-ĐHCNVT ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

2	Ô nhiễm môi trường Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Xây dựng, năm 2017	2	CB	(Chương 4, 5 và 6 (142 - 220))	Số 558/QĐ-ĐHCNVT ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
---	-----------------------------	----	---------------------------------	---	----	--------------------------------	---

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 2

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	ĐT: Nghiên cứu chế tạo tổ hợp phát quang lai vô cơ/ hữu cơ ứng dụng cho mục đích chiếu sáng thể rắn	CN	QG-12.46, cấp Bộ	23/11/2012 đến 16/11/2015	Ngày 10 tháng 12 năm 2015/ Kết quả: Tốt
2	ĐT: Mô phỏng và tối ưu hóa pin mặt trời hữu cơ cấu trúc đa lớp và cấu trúc tổ hợp	CN	103.06-2011.64, cấp Bộ	18/12/2011 đến 10/09/2015	Ngày 14 tháng 01 năm 2016/ Kết quả: Đạt

3	ĐT: Chế tạo và khảo sát tính chất khuếch tán của môi trường làm việc vào trong màng poliamide 6 (PA6)-clay nanocomposit	CN	CN.11.05, cấp Cơ sở	05/08/2011 đến 04/07/2012	Ngày 06 tháng 9 năm 2012/ Kết quả: Tốt
---	---	----	---------------------	---------------------------	--

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Nhà công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Design and Fabrication of Microwave Pyrolysis System	3	Có	2005 4th International Symposium on Environmentally Conscious Design and Inverse Manufacturing, Print ISBN: 1-4244-0081-3			, 836-837	20

2	Study on Degradation Behavior of a Modified Polyethylene (sPE)-Lined Blasted Steel Substrate Exposed to Hydrochloric Acid Solution Environment	5	Có	J. Sci. and Eng. CORROSION, ISSN: 0010-9312; 1938-159X	ISI, Scopus - SCI IF: 1.927		64 , 8, 666-670	20
3	Degradation of different types of polyethylene using for lining system exposed to hydrochloric acid solution	5	Có	Journal of the Japan Society of Colour Material, Online ISSN: 1883-2199; Print ISSN: 0010-180X	Tạp chí quốc tế - Hệ thống CSDL quốc tế khác	2	82 , 3, 105-111	20
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
4	Diffusion behavior of corrosive solution environments in carbon black filled modified polyethylene linings	2	Có	VNU Journal of Science, Mathematics - physics, ISSN: 2615-9341; eISSN:2588-1124	Tạp chí trong nước bằng tiếng Anh	2	26 , 71-81	20
5	Study on influence of substrate and exposure corrosive environment on adhesion ability of a modified polyethylene lined on blasted steel substrate	1	Có	VNU Journal of Science, Mathematics - physics, ISSN: 2615-9341; eISSN:2588-1124	Tạp chí trong nước bằng tiếng Anh		27 , 1, 15-27	20
6	An Approach for the Prediction of Blistering on Polymer–Steel Lining Systems Exposed to an Aqueous Environment	2	Có	Industrial & Engineering Chemistry Research/ ISSN: 1520-5045; 0888-5885	ISI/Scopus - SCI IF: 3.54	2	51 , 36, 11681-11687	20

7	A Study on Water Absorption and its Effects on Strength of Nano Organoclay-epoxy Composite	1	Có	Journal of Applied Sciences/ ISSN: 1812-5654;1812-5662	ISI, Scopus (năm 2012) - Scopus	2	12 , 18, 1939-1945	20
8	MEH-PPV/YAG:Ce Hybrid Nanocomposite Using for Fabrication of Optoelectronic Device	2	Có	2015 International Conference on Industrial Informatics, Machinery and Materials (IIMM2015), ISBN:978-1-60595-078-5			, 219 - 223	20
9	Sol-gel Synthesis and Characterisation of Nanocrystalline Cerium doped Yttrium Aluminum Garnet Nanopowder	7	Không	The 6'h International Workshop on Advanced Materials Science and nanotechnology (WAMSN2012)			,	20
10	Effect of Cerium Doping on Crystal Structure and Magnetic Properties of $\text{La}_{1-y}\text{Ce}_y\text{Fe}_{11.44}\text{Si}_{1.56}$ Compounds	5	Không	Materials Transactions, ISSN: 13459678; 13475320	ISI, Scopus - SCIE IF: 0.831	10	56 , 9, 1335-1338	20
11	Estimation of Vallence Distribution in Peroskives Using Bonde Valence Method	5	Có	INFORMATION, ISSN: 1344-8994; 1343-4500	Scopus - Scopus		18 , 7, 2917-2926	20

12	The MEH-PPV/YAG:Ce Hybrid Nanocomposite Material for Solution Processing Fabrication of Optoelectronic Device	2	Có	Journal of Nanomaterials, ISSN: 1687-4129; 1687-4110	ISI, Scopus - SCIE IF: 2.233		2015 , Article ID 313472, 5	20
13	Numerical Simulation of Phase Separation in Bulk Hetero-junction Photoactive Layer	4	Có	The 2nd International Joint Conference on Convergence (IJCC2016), ISSN: 2088-6060			, 1-7	20
14	Numerical Simulation of Phase Separation in Bulk Hetero-junction Photoactive Layer	4	Có	International Journal of Advanced Culture Technology, ISSN: 2288-7202 (print) 2288-7318(online)	Tạp chí quốc tế - Hệ thống CSDL quốc tế khác		4 , 1, 31-36	20
15	Permeation behavior of water and acid solution/vapor into undegradable polymer	1	Có	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN Print: 2525 - 2208			EME2 , 164-173	20
16	Blistering behavior of a Lined Fluoropolymer-steel Substrate on Exposure to a HCl Acid Aqueous Environment	1	Có	ACS Omega, ISSN: 2470-1343	ISI, Scopus - SCIE IF: 2.584		5 , 15, 8825-8830	20
17	Evaluation of an Epoxy-based nanosilicacomposite Lining in H2SO4 solution for Anti-corrosion of Sewerage Concrete Structures	1	Có	Journal of Nanomaterials, ISSN: 1687-4129; 1687-4110	ISI/Scopus - SCIE IF: 2.233		2020 , Article ID 4090856,	20

18	Anticorrosion Behavior of the SiO ₂ /Epoxy Nanocomposite-Concrete Lining System under H ₂ SO ₄ Acid Aqueous Environment	1	Có	ACS Omega, ISSN: 2470-1343	ISI, Scopus - SCIE IF: 2.584		5 , 18, 10533–10542	20
19	MEH-PPV: PCBM Solution for Screen-printing Technique in Polymer Solar Cell Fabrication	2	Có	Journal of Applied Sciences/ ISSN: 1812-5654;1812-5662	ISI, Scopus (năm 2015) - Scopus		16 , 1, 25-30	20
20	Magnetocaloric effects of La _{0.8} R _{0.2} (Fe _{0.88} Si _{0.12}) ₁₃ (R = Y, Ho and Yb)	5	Không	Materials Transactions, ISSN: 13459678; 13475320	Q2 - SCI IF: 0.831		,	20
21	Effect of temperature on structure of La _{1-y} Ce _y Fe _{11.44} Si _{1.56} (y = 0.1 and 0.3)	6	Không	Materials Transactions, ISSN: 13459678; 13475320	Q2 - SCIE IF: 0.831		,	20

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 11

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
1	Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật năng lượng	Tham gia	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)